

KHU BA TẶNG QUÀ VIỆT BẮC

Khu Ba tặng quà Việt Bắc

Đường ka thi - thiết ka ka
Yêu nhau trên khắp quê quê tặng nhau
Mùa xuân: mùa người họ dâu
Ngược xuôi: ngược xuôi như trâu với voi
Hầu có voi cho môi: tuổi đẹp
Bé? với nũng nịu sẽ đẹp tặng
Tặng nũng nịu bé nũng thay
Yêu nhau ta hẹn đến ngày thành công

Suối Trống

(Nông Quốc Chấn dịch tiếng Tây)

Lặng quặng kẻ chân quặng kẻ lại
Điệp cầu phác cầu cầu tặng cầu
Lũ phù phái tặng lầy tặng quặng
Phủ tặng thú nhà cày nhà đin
Vọng quặng mùa phê hui phom oi
Pê cày tặng, uha' lượn đườn' phom
Keo mớ chấy tặng hôm phù' bác
Lầy kẻ lại tặng miếc kô tha
Nậm pe' vụ khau phía cày hên
Thom sủi lầy uha' chiêm' bác Tây
Tiểu pe' nĩa' đống hầy nãi quá

* Bài ca dao là bài thất đẩu họ Cửu Quốc Việt Bắc.
Bút tích bằng Suối Trống chỉ là ở họ Cửu Quốc, Cửu Quốc Việt
Bắc thời kỳ trước cách mạng.

Bài ca dao của Nam Cao do nhà thơ Nông Quốc Chấn dịch sang tiếng Tây. (Bút tích nhà thơ Nông Quốc Chấn tặng tác giả NTV).

RẮC RỐI KHI KIỆT TÁC RA ĐỜI

Theo hồi ký của tác giả *Dé mèn phiêu lưu ký*. Hai ông quen nhau khi Tô Hoài học tiếng Pháp tại trường Công Thanh phố Thụy Khuê. Đầu tiên Tô Hoài gọi bạn là ông giáo Tri, Nam Cao giúp bạn bỏ túc tiếng Pháp. Hai người gắn bó từ đó.

Sau vài truyện ngắn Nam Cao viết: "*Cái lò gạch cũ*". Nhà văn viết theo lời vợ kể. Chuyện làng - những mẫu người ấy, vùng đất đồng chiêm, bờ đay, bãi mía, vườn tược, bến sông... nhà văn đã thuộc trong đầu. Có lần nhà văn Chu Văn đọc được sổ tay ghi chép của ông, những dòng mộc mạc: anh cán bộ xã có bộ tóc cum cúp, đôi mắt đục ngầu, cái mặt căng cặc (...?). Một chị phụ nữ, da ngăm ngăm, đôi mắt dao cạo và cái miệng lem

lém, họ bàn bạc riết róng chi ly, đúng như cách chia gạo mời cơm. Nam Cao có tài khắc họa, chỉ với đôi nét phác đã rõ tính cách con người.

Để viết Chí Phèo, nguyên mẫu không ở đâu xa. Một "Bá Kiến", anh Chí, cô Thị Nở... bằng xương bằng thịt. Truyện viết xong, bản thân nhà văn cũng không tin là có nơi in. Còn chế độ kiểm duyệt của lũ tay chân bồi bút cho Pháp. Cuối cùng nhà văn đưa đến nhà xuất bản Đời Mới, là nhà in kiêm nhà thuốc chữa bệnh ở phố Hàng Cót (Hà Nội). Khi đưa bản thảo, Tô Hoài và Nam Cao bàn nhau: Đưa nhà xuất bản này ít tiếng tăm, họ có thể quý bản thảo.

Ít lâu sau ông Trắc Vỹ, chủ nhà in mời tác giả đến báo tin:

- Tôi sẽ in truyện của ông. Nhưng "*Cái lò gạch cũ*" không ăn khách tôi đổi tên là "*Đôi lứa xứng đôi*" và sẽ nhờ ông Lê Văn Trương, văn sĩ trứ danh giới thiệu.

Bản thảo tới tay Lê Văn Trương. Nhà văn đọc xong chuyện cho mấy người nữa, họ đều tấm tắc khen văn chương mới lạ và hẹn gặp Nam Cao. Thế là thiên tình sử "Chí Phèo - Thị Nở" ra đời.

Thời kỳ này đám thuộc hạ đang tức tối về những câu vè của Trần Ngôn. Về truyền miệng đã đau, lại thêm truyện "*Đôi lứa xứng đôi*". Sách về làng, cánh thanh niên tranh nhau đọc. Dư luận khăng định Bá Kiến trong

truyện là hình ảnh một người vai vế trong làng, chuyện cứ như lửa đổ thêm dầu

Ông Hoàng Cao là con bà chị vợ nhà văn có mặt ở làng kẻ:

- Trong một cuộc họp về thu thuế hàng năm giữa các phái kỳ hào với các tộc biểu, Tiên chỉ đang ngồi chiếu nhất thì phó lý đến bên, rỉ tai:

- Thừa cụ chỉ, con nghe nói có nhà văn, nhà báo viết toàn chuyện thật làng ta, bôi tro trát trấu, bêu riếu thành văn, thành sách. Xin các cụ nghiêm trị, chứ để im thì còn ra thế thống gì nữa!

Như chạm vào chỗ uất ức lâu ngày, Tiên chỉ buột miệng thốt ra:

- Nói làm gì với tụi ông giờ ông, thằng giờ thằng cho bản mồm! Chuyện này tao sẽ ném đi vài mẩu ruộng cho nó rũ tù!

Nghe tin nhà văn sẽ bị trả thù, có thể vào tù loan đi khắp làng. Nam Cao chỉ cười nói với vợ:

- Hóa ra nhiều khê nhĩ, tôi chưa bao giờ nghĩ ra chuyện này. Để xem họ làm gì. Nếu họ làm, mình lại có chuyện để viết.

Có người khuyên nhà văn nên lánh đi nhưng Nam Cao không nghe, ông cho rằng chúng không dám giở thủ đoạn đó với ông.

Trong một bữa giỗ, có đông đủ họ hàng, người anh

của bà Sen đứng lên gọi em gái nói là khuyên nhủ nhưng thực chất là bảo vệ em về mình.

- Cô cứ yên tâm làm ăn nuôi các cháu và viết thư khuyên chú ấy, cứ tự do tung hoành không sợ gì cả. Nhà văn, nhà báo họ không có tiền nhưng họ có chữ, có sự cố kết lẫn nhau, một người có sự vu oan nhiều người xúm lại bênh vực thì mạnh lắm. Vài mẫu ruộng, chứ vài chục mẫu của nó cũng ném xuống sông xuống biển...

Còn có người, gặp ông phó Huệ nói mát:

- Thật phúc cho nhà ông có con viết văn chữ cả làng cho mà nghe.

Ông phó Huệ chỉ im lặng không đáp.

Đám kỳ hào trong làng còn cây bầy, tức tối mãi, tìm cách khó dễ.

Chuyện êm xuôi.

Truyện ngắn "Đôi lứa xứng đôi", sau cách mạng Tháng 8 - 1945, khi in lại lần thứ nhất, nhà văn đổi tên là Chí Phèo, tác phẩm bắt hủ gắn liền với văn nghiệp Nam Cao.

BÚT DANH

Trong bản tiểu sử do chính tay nhà văn gửi Ban tổ chức kiểm tra Hội Nhà văn Việt Nam (1950), ghi rõ:

Tên thật: Trần Hữu Tri

Bút danh: Nam Cao

Sinh ngày 29 tháng 10 năm 1917

Tại làng Đại Hoàng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Nhưng bút danh Nam Cao đã xuất hiện chín năm trước, cùng tuổi với sự ra đời nhân vật Chí Phèo. Trước đó, trong các truyện ngắn và thơ, Nam Cao ký các bút danh: Thúy Rư, Nhiêu Khê, Xuân Du, Nguyệt, Nam Cao, Suối Trong...

Theo nhà văn Tô Hoài, Nam Cao ký Nhiêu Khê có ý đùa. Thời ấy trên các bức tranh dân gian rất phổ biến, thường có thơ đề:

Xuân du phương thảo địa

Hạ thưởng lục hà trì

Thu âm hoàng hoa tửu

Đông ngâm bạch tuyết thi.

Tạm dịch:

Mùa xuân chơi miền cỏ non

Mùa hạ tắm hồ sen ngát

Mùa thu uống rượu hoàng hoa

Mùa đông ngâm thơ tuyết trắng.

Nam Cao lấy hai chữ đầu Xuân Du ký dưới những bài thơ của mình. Nhà văn còn một tên nữa ít người biết. Hồi hoạt động ở Việt Bắc, để đảm bảo bí mật, Tô Hoài lấy tên là Nông Văn Tư. Nam Cao là Ma Văn Hữu. Khi đi công tác, trong túi bao giờ cũng có tờ giấy thông hành mang danh này. Chuyến đi cuối cùng, Nam Cao cùng Nguyễn Huy Tưởng vào khu Bốn, về khu Ba, nhà văn cũng mang theo giấy tờ có tên Ma Văn Hữu, nghề nghiệp dạy bổ túc văn hóa.

Đại Hoàng xưa thuộc tổng Cao Đà. Đà chữ Hán có nghĩa vùng có nước. Cao Đà, là đất cao trên vũng nước đồng chiêm. Huyện Nam Xang, Lý Nhân quê ông, gắn với câu chuyện "*Người con gái Nam Xương*". Nói theo nhà văn Nguyễn Đình Thi là một trong những tích truyện thương tâm mà trong suốt nhất, không những của dân tộc ta mà của mọi dân tộc, có sức làm lay động nơi sâu thẳm trong tâm hồn con người, ở bất cứ nơi nào trên trái đất. Đã bao bài thơ, vở kịch về vợ chàng Trương hiền thảo. Lê Thánh Tông, nhà thơ lớn thời Lê Trung Hưng tới đây, viết bài thơ ai điều lưu truyền hậu thế...

Trần Hữu Tri chọn bút danh cho mình, ghép chữ đầu tên huyện (Nam), chữ đầu tên tổng (Cao) để nhớ ơn mảnh đất, nơi ông sinh thành. Nam Cao đã giữ trọn vẹn cái tên quê hương, trở thành nhà văn hiện thực xuất sắc. Nói như nhà thơ Tố Hữu: "Những tác phẩm của Nam Cao là một gia tài vô giá. Nhân cách của Anh mãi mãi là một tấm gương sáng cho nhiều thế hệ, hôm nay và mai sau".

Nam Cao vinh dự được nhận Giải thưởng cao quý mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tên của ông được đặt cho một đường phố giữa thủ đô Hà Nội. Trung tâm thành phố Phủ Lý có công viên Nam Cao. Huyện Lý Nhân chọn đặt cho hai mái trường, nơi hun đúc những tài năng tương lai đất nước.

Nhiều luận án Tiến sĩ, công trình nghiên cứu, Hội thảo khoa học, đề thi đại học... về tác phẩm của Nam Cao. Nhà văn là một trong chín tác gia lớn được học trong chương trình Trung học phổ thông. Lớp trẻ học đường từng được truyền dạy các kiến thức, tư tưởng thời đại mà văn học, trong đó có Nam Cao đã và đang đóng góp trong công cuộc hình thành nhân cách của thế hệ tương lai.

Nam Cao

Sống mãi trong lòng người đọc và nhân dân.

THỢ MAY

Vào những năm 1930 - 1945, dân ăn diện Sài thành không mấy ai là không biết tiếng hiệu may Pari tayơ (Paris Tailleur) ở đường “Xạc-ne” (Charner) gần ngã tư Nguyễn Huệ ngày nay. Chủ hiệu may là ông Trần Bá Lễ, người làng Đại Hoàng, vào làm ăn đã lâu ở Sài Gòn

Ông Trần Bá Lễ, con út ông Trần Bá Dụng là cháu ông ngoại Nam Cao. Ngày nhỏ ở quê, ông Lễ được bà ngoại Nam Cao coi như con. Bà mua máy khâu cho cháu học may. Muốn đi Sài Gòn tìm việc làm, ông Lễ giấu bà Minh, bán máy, lấy tiền ra Hải Phòng theo tàu thủy vào Nam.

Do tinh ý giỏi nghề, ông Lễ mở hiệu may. Quần áo

Com-plê, đồ đầm, thời đó đang “mốt” thu hút đông khách. Đến hiệu là những viên chức, binh sĩ và con nhà khá giả. Thời cực thịnh, ông Lễ đã thuê được cửa hàng, sắm hai chục máy khâu. Thợ may phần lớn là dân Bắc. Do làm đồ tây có uy tín, nên người ta gọi cửa hiệu là Pari tayơ. Sớm sớm, ông Lễ từ nhà riêng ở Thủ Thiêm ra phố. Người dân ở đây quen thuộc với ông chủ tiệm, lúc nào cũng thẳng bộ mốt nhất, đầu mũ phớt, khi cười hé mấy chiếc răng vàng, là một của những người làm ăn phát đạt thời đó.

Năm 1936, hiệu may bắt được mỗi hàng may cho binh sĩ, thủy quân Pháp ở cảng Bạch Đằng. Biết Nam Cao giỏi tiếng Pháp, ông cậu về quê tìm cháu vào Sài Gòn làm phiên dịch và giao thiệp với khách hàng.

Tới nơi, tuy còn lạ nước lạ cái, ngoài giờ làm thợ, Nam Cao tìm đến các hiệu sách, tòa báo. Nhà văn có thêm nhiều bạn mới. Nam Cao bắt đầu cầm bút, mạnh dạn gửi bài cho mấy tờ báo tư. Báo *Kịch Bóng* mời ông làm phóng viên.

Với ý định, từ đây Nam Cao cùng một số bạn bè đồng hướng định viễn du nước ngoài. Nhưng do không hợp khí hậu, bệnh cũ tái phát, ông bị phù ròi tê chân. Trọn ba mươi tháng, mùa thu năm 1938, Nam Cao dời Sài Gòn về quê chữa bệnh. Năm ấy nhà văn mới ngoài

hai mươi tuổi.

Hiệu may Ba Lễ nơi trú chân, cuu mang nhiều người Bắc vào Nam kiếm việc. Trong số này có ông Nguyễn Đức Khánh người xóm 2 thôn Thu Lâu, xã Nguyên Lý cùng huyện. Một ngày lang thang trên phố gặp chỗ treo biển thuê thợ, anh Khánh ghé vào. Biết người cùng quê, ông Lễ nhận, ông Khánh sau trở thành thợ may giỏi. Tại đây, ông gặp bà Khiết, em ruột Nam Cao. Hai người nên vợ nên chồng, ông Khánh thành em rể nhà văn.

Cùng cảnh thợ, còn có Trần Bá Ngôn, là con cụ Trần Bá Nhã em ruột ông ngoại Nam Cao. Ông Ngôn làm thợ chỉ cốt che mắt địch để tham gia hoạt động cách mạng.

Những tháng năm này, nhiều tỉnh đồng bằng Nam Bộ đang âm ỉ chuẩn bị Khởi nghĩa Nam Kỳ. Nguyễn Hữu Tiến người thôn Lũng Xuyên, xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên (Hà Nam) Xứ ủy Nam Kỳ tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Cờ đỏ sao vàng xuất hiện. Khởi nghĩa bị lộ. Các chiến sĩ tiên bối như chị Nguyễn Thị Minh Khai cùng các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến... bị bắt, thực dân Pháp xử tử hình tại Hoóc Môn Bà Điểm.

Địch phát hiện hiệu may Ba Lễ chứa cộng sản và là cơ sở may cờ đỏ sao vàng. Mật thám ập đến khám nhà,

ông Trần Bá Ngôn bị địch bắt, giam ở Sài Gòn ít lâu, đến năm 1941 được thả cho hương lý quản thúc tại quê. Hàng tuần ông Ngôn phải ra trình diện lý trưởng Lâm. Hàng tháng phải lên Nga Khê trình diện tri phủ Lý Nhân. Mỗi khi nhắc đến chuyện này, Nam Cao rất phục chí khí của người cậu mình. Không ngại giặc khủng bố, anh Trần Bá Hiền, con trai ông Lễ, ông Khánh cùng mấy người thợ được ông Ngôn giác ngộ, bỏ đô thành ra chiến khu Đ (1) tham gia kháng chiến. Trần Bá Hiền bị địch bắt tại Đất Cuốc tỉnh Bình Dương rồi bị địch thủ tiêu bí mật.

Đất nước thống nhất, gia đình ông Trần Bá Lễ được Nhà nước tặng bằng Tổ quốc ghi công. Theo người nhà kể, hồi Nam Cao làm thư ký cho hiệu may Paritayơ (tức Ba Lễ), là thời kỳ cửa hàng làm ăn phát đạt nhất. Ông về Bắc, khách hàng cũng thưa đi nhiều.

Những năm ở Sài Gòn, nhà văn bắt đầu nuôi ý định sáng tác. Hai truyện ngắn đầu tiên được viết trong chuyến "hành phương Nam", hiện chưa tìm đủ được bản thảo.

(1) Chiến Khu Đ, mật danh Tổng hành dinh Khu bộ Khu 7 thời chống Pháp (1946-1947). Chiến khu gồm một số xã trong huyện Tân Uyên tỉnh Đồng Nai

THẦY GIÁO

Đó là ngôi nhà hai tầng ở phố Thụy Khuê, Hà Nội, đối diện Nhà máy da, sau chuyển địa điểm xuống thuê nhà số 2 đầu phố. Hiệu trưởng là ông Trần Đức Bao, chú đằng ngoại của Nam Cao. Khi mở trường, ông Bao, bà Phượng và mấy người bạn tính đặt tên trường là Công Thành, ý muốn công thành danh toại. Khi làm đơn, được phép mở trường École primaire Công Thành nên từ đó gọi là trường Công Thành. Trong các sáng tác của Nam Cao phần nhiều viết về trường khi ở địa chỉ này. Chỉ có truyện "Người hàng xóm", viết về quang cảnh trường ở chỗ trông sang nhà máy thuộc da.

Ông Trần Đức Bao sinh năm 1914, là con cụ Trần Đức Bào (chủ cái lò gạch cũ). Nam Cao chỉ kém ông chú một tuổi. Hai chú cháu cùng học trường Thành Chung Nam Định. Chú đỗ trước, cháu phải thi lần sau mới đỗ. Ở Hà Nội ông Bao làm thư ký cho nhà in IDEO (Imprimerie de l'Extrême Orient), phố Tràng Tiền. Ông lấy bà Đinh Thị Phượng (cô họ nhà văn Tô Hoài), vừa

mất việc ở báo *Trung Bắc tân văn* vì ông Nguyễn Văn Vĩnh chủ bút⁽¹⁾, chết trong chuyến đi tìm mỏ vàng mãi Sê-pôn (Lào). Những năm khủng hoảng kinh tế, nơi nào cũng giãn thợ, mất việc. Biết không thể làm mãi cho chủ Tây, vợ chồng ông Bao mở trường tư thực Công Thành. Một người bạn cho vay năm chục đồng, bà Phượng dồn hết tư trang bán được khoản tiền chỉ đủ thuê nhà, đóng được hai chục bộ bàn ghế, cái tủ. Sáu tháng sau mới mua được cái trồng.

Mở trường, ông hiệu trưởng còn muốn bay nhảy. Ông Bao thi đỗ vào ngành Bưu điện, làm tại Bưu điện Bờ Hồ, Hà Nội.

Chiến sự Đông Dương nóng bỏng. Ông Trần Đức Bao được điều đi bưu điện Viên Chăn (Lào). Nam Cao được mời lên trường, tiếng là thay ông hiệu trưởng, thực chất là làm công ăn lương.

Trường có hai giáo viên, sau thêm ông Trần Đức

(1) Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) quê làng Phượng Dực, huyện Phú Xuyên (Hà Nội), 15 tuổi đỗ thủ khoa trường Thông ngôn. Năm 1906, sang Pháp dự đấu xảo Marseille (có trưng bày trống đồng Ngọc Lũ). Thích nghề in, làm báo. Người đầu tiên tổ chức "Hội dịch sách" (1907), dịch giả các tác phẩm lớn: "Ba người ngự lâm pháo thủ" của A.Dumas cha; kịch Molière, Thơ ngụ ngôn La Fontaine... mất năm 1936 trên đường đi tìm vàng.

Phấn, người cùng làng bạn Nam Cao. Trường bốn lớp, có lớp dạy học trò, phần đông người vùng Bưởi, con công nhân các nhà máy điện, máy nước, máy da gần đó.

Trần Văn Đa từ Đại Hoàng lên xin việc làm, chuyên nấu cơm, gánh nước, đánh trống, giúp việc vặt. Ở trường các con cháu ông Bao nhiều. Dạy học thời kỳ đầu, Nam Cao và Trần Đức Phấn vào trọ trong làng Thụy Khê, khi trường chuyển sang nhà số 2, Nam Cao ở một phòng trên gác. Cái giường gỗ chõ tận quê lên, Nam Cao, Tô Hoài thường đọc sách báo và hý hoáy viết cả đêm. Nam Cao say sưa đọc Tsê-khốp, rất phục tài truyện ngắn của nhà văn Nga nổi tiếng. Nam Cao giúp Tô Hoài củng cố tiếng Pháp. Tô Hoài khuyến khích Nam Cao vào nghề văn. Nam Cao thảo một số truyện ngắn và thai nghén tiểu thuyết *Sống mòn*. Cuốn tiểu thuyết lấy quang cảnh và nhân vật trường Công Thanh. Đang viết thì trường vỡ, Nam Cao hoàn thành tác phẩm tại quê.

Nhật đảo chính Pháp. Trường Công Thanh đóng cửa. Biên trường bị lính quăng xuống đường. Bàn ghế bị ném ra hồ. Nhật chiếm trường lấy chỗ trú cho lính coi ngựa. Ông Bao mắc bệnh, dời Viên Chăn về Hà thành. Trường mất, Nam Cao và gia đình người chú kéo nhau về quê. Cái giường gãy nát, Nam Cao được chia chiếc bàn và mấy ghế mây cũ làm kỷ niệm...

THÀNH NAM

Trong cuộc đời không dài của mình, ngoài năm tháng tuổi thơ và thời gian đi kháng chiến, nhà văn Nam Cao đã sống, để nhiều kỷ niệm gắn bó với thành phố dệt Nam Định.

Những năm 30 - 40 đầu thế kỷ trước, nhịp thơ của thành Nam hầu như theo nhịp còi tầm máy dệt. Có nhà thơ viết:

Ngày ngày nghe tiếng còi tầm

Tương đâu tiếng gọi từ âm phủ về...

Đủ biết sự ngọt ngào của đời sống thợ thuyền. Nam Định ngày ấy được mấy phố chính có điện, các phố lẻ ban đêm leo lét đèn dầu. Chập tối, người phu thắp đèn, rạng sáng đi tắt. Từ nhà dây thép, người buru tá còn đeo cái tráp đựng thur. Buổi chiều, từ rạp An Lạc (rạp Bình

Minh bây giờ), đào kép mũ, mào, cân đai theo nhịp trống, tiếng nhị diễu qua các phố quảng cáo cho suất diễn đêm. Nam Cao theo cha về Nam Định học, nhà số 42c phố Hàng Đàn. Khi thất nghiệp, về viết văn tại quê, nhưng không tuần nào Nam Cao vắng bóng các hiệu sách báo Thành Nam. Nếu có tiền thì ngồi xe đến chợ Viềng. Mùa nước phải đi đò, thường thì cuộc bộ về làng. Hơn một chục cây số, nhưng về nơi trung tâm văn hóa, đầu óc nhà văn thấy thư thái hơn. Nhiều khi Tô Hoài từ Hà Nội cũng về, hai ông ở với nhau hàng tháng. Họ đi xem bói Kế và lang thang ra bờ sông, chợ Ròng, chợ Đò Chè...

Nam Định có chợ Đò Chè,

Có tàu Ngô Khách có nghề vòm to

Nhịp sống thành Nam cuốn hút các nhà văn. Nơi đây, Nam Cao tiếp xúc nhiều văn nghệ sĩ, sau này là những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Riêng trường Thành Chung ông học, nhiều người trở thành nhà cách mạng, nhà thơ như Sóng Hồng, Lê Đức Thọ... Ba người có tên trong *Thi nhân Việt Nam* Đỗ Huy Nhiệm, Nguyễn Xuân Huy, JleiBa... và đặc biệt những vần thơ tình quê của Nguyễn Bính:

Em ơi em ở lại nhà

Vườn dâu em đón mẹ già em thương...

Đêm đêm, từ góc phố Hàng Đồng bập bùng tiếng đàn ghi-ta, thánh thót *Giọt mưa thu* của nhạc sĩ tài hoa Đặng Thế Phong. Từ căn gác xếp nhà Bùi Chu nhìn xuống chợ Ròng, một người nông dân nghèo tận Ninh Bình tìm đến nơi ở nhà văn Nguyễn Công Hoan, kể ông nghe cuộc đời cùng cực của mình. Nhà văn đã viết tiểu thuyết *Bước đường cùng*.

Thành phố của thơ ca, bỗng sôi sục các cuộc biểu tình của thợ thuyền máy dệt, máy sợi. Từ nhà Nam Cao, cách mấy bước chân là tới nhà tù Máy Chai. Nhà văn đã chứng kiến nhiều lần cảnh những người tù cộng sản bị xiềng xích dẫn qua cửa nhà mình.

Làng Đại Hoàng có nghề dệt lâu đời, sợi “con gái tàu”, sợi máy dệt là nguyên liệu chính nuôi những khung cửi thủ công sống lắt léo ở quê. Phiếu sợi đưa về, bọn hào lý giành nhau ăn chặn. Những người nông dân kiêm thợ thủ công thất nghiệp, mất dần vườn ruộng vào tay cường hào ác bá. Tưởng bỏ quê ra phố kiếm ăn sẽ thoát cảnh bị ức hiếp nhưng làm thợ cũng bị đánh đập, bóc lột đến kiệt sức.

Những ngày lễ, Nam Cao thường lân la quanh nhà thờ An Phong. Cảnh hành khát, thợ quê, đêm đêm tụ bạ xóm giáo nghèo, trong lòng nhà văn bứt rứt không yên.

Hãy nghe một đoạn ông tâm sự với bạn:

- Dọc đường từ quê cuộc bộ xuống Nam Định, vừa

đói vừa mệt chỉ mong nhận được mấy đồng tiền nhuận bút. Sau trận bão, vườn tược hoa màu mất hết. Khung cửi bỏ không, cả nhà đói to.

Nhà thơ Thọ Rền vẫn còn nhớ câu nói của cha mình nhận xét Nam Cao khi nhà văn đến chơi:

- Cậu Tri giàu lòng thương người mà cả nghĩ lắm. Sống chẳng lúc nào tĩnh tâm, hậu vận vất vả.

Phải nói, khi tiếp xúc với đời sống thị thành, Nam Cao đã nhìn thấy rõ hơn về cuộc sống người dân quê ông. Ông không chỉ là người kể chuyện có tài mà ông viết lại những bi kịch lớn về người nông dân Việt Nam, đêm trước của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Sinh thời, nhà văn thường nói với vợ, chờ hòa bình cho con về Nam Định cho tiện học hành. Sau này bà Trần Thị Sen về thành phố. Ba người con của gia đình theo ngành dệt. Thành Nam được coi là quê hương thứ hai của Nam Cao.

CHỦ TỊCH XÃ

Nam Cao có em họ là ông Trần Hữu Sỹ. Ông Sỹ làm hương sư, tham gia hoạt động từ sớm, tuy hơn tuổi nhà văn nhưng là bạn tâm giao, uyên thâm nho học. Làng có hai trường dạy quốc ngữ. Anh Trần Đức Tuy, anh ruột anh Phấn là hương sư cũng sớm giác ngộ cách mạng. Tinh thần yêu nước của ông Sỹ, ông Tuy ảnh hưởng đến cánh thanh niên trẻ.

Là những người có học, có nhiệt huyết, các anh thường chụm lại bàn bạc thời cuộc. Thời gian này Đại Hoàng xuất hiện nhiều truyền đơn của Việt Minh. Thanh niên trong làng, được tổ chức thành từng nhóm vũ trang. Họ bí mật tập đánh gậy ở vườn nhà ông lý Bật, chuẩn bị tham gia khởi nghĩa.

Nhật đảo chính Pháp. Cờ đỏ sao vàng xuất hiện ngọn cây gạo già trên đường hàng huyện và dọc làng. Họ viết truyền đơn, gửi vào tận nhà, kêu gọi các gia chủ giàu, không đóng thóc cho Nhật và trợ giúp dân nghèo.

Nhà Nam Cao bị đói, bà Sen phải vay giạt rau cháo qua ngày. Cháu Trần Thị Yên bị bệnh rồi mất vì không đủ tiền mua thuốc.

Trên cử đồng chí Nguyễn Hữu Ân tức Lê Quang Tuấn về phát động khởi nghĩa và giành chính quyền ở huyện Lý Nhân. Chính quyền non trẻ phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách. Suốt 27 cây số đê sông Hồng lũ lớn đe dọa. Các đê bói Vũ Điện, Thanh Nga, Phương Trà... bị vỡ, nạn đói hoành hành, không ngăn nổi khí thế cách mạng. Một cuộc mít-tinh lớn được tổ chức tại đình Vĩnh Trụ. Sau bài diễn thuyết của đồng chí Lê Quang Tuấn, Nam Cao đứng lên kêu gọi mọi người ủng hộ Việt Minh, phá kho thóc Nhật chia cho dân nghèo...

Chính quyền mới được thành lập ở Đại Hoàng. Nam Cao được bầu làm Chủ nhiệm Việt Minh. Trước đó ở Hà Nội, nhà văn đã tham gia Văn hóa Cứu quốc bí mật (1943) cùng tổ với Tô Hoài. Ông Trần Bá Ngôn, cậu ruột của Nam Cao bị trục xuất khỏi Sài Gòn cũng tham gia công tác thông tin tuyên truyền ở địa phương.

Đầu năm 1946, Nam Cao được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến xã Đại Hoàng. Nhà văn bận tối ngày với việc đê điều, vận động nhân dân tăng gia cứu đói, xóa nạn mù chữ...

CHỦ BÚT

1946

Nói đến tỉnh Hà Nam là nói đến vùng chiêm trũng, gồm hai phủ, ba huyện, một châu và một thị xã. Cả tỉnh, khi Cách mạng Tháng Tám thành công có khoảng 25 vạn dân, thị xã Phủ Lý có khoảng trên dưới vạn người.

Dù chỉ ít phố, phố chính to nhất cũng không bằng phố nhỏ của thành Hà Nội hoặc Sài Gòn, nhưng thị xã nhỏ bé, nơi ngã ba sông là các cơ quan đầu não của thực dân Pháp và bù nhìn đóng. Lại có trường Kiêm bị, nên có thể nói thị xã Phủ Lý tuy nhỏ nhưng là trung tâm văn hóa, chính trị của tỉnh.

Năm 1946, ngoài tờ "*Quyết Chiến*", tờ báo chính thống của Tỉnh bộ Việt Minh, tờ *Bó Đuốc*, cơ quan văn hóa đại chúng của Bình dân học vụ tỉnh, Hà Nam còn có

tờ "*Xung Phong*", tiếng nói của Thanh niên Cứu quốc, thuộc Tỉnh Đoàn phụ trách...

Khi ấy, lực lượng thanh niên Đại Việt thân Nhật đã cáo chung cùng với việc quân đội Nhật bại trận đầu hàng Đồng minh về nước. Bọn ngoan cố ngấm ngấm đi với tổ chức thanh thiếu niên của Quốc dân đảng. Cả Thanh niên cứu quốc của Việt Minh và bọn chúng đều tranh thủ lôi kéo giới trẻ, nhất là thiếu niên. Tất cả các em đội mũ ca-lô nâu thuộc Đội thiếu niên Cứu quốc còn mũ ca-lô trắng, không nhiều, thuộc Quốc dân đảng. Con em của chúng hoặc con nhà quyền thế, nay thất thế do Cách mạng Tháng Tám thành công.

Bối cảnh này, Mặt trận Việt Minh, Đoàn thanh niên Cứu quốc cần có tờ báo để phục vụ nhiệm vụ chính trị. Anh Phạm Văn Lịch, Thường vụ Đảng bộ tỉnh kiêm Bí thư thị ủy kiêm Bí thư Đoàn. Khi ấy, các cơ quan đoàn thể gắn bó với Việt Minh.

Thanh niên Cứu quốc là một đoàn thể, cánh tay trợ thủ đắc lực của Việt Minh. Đối tượng quy tụ đông đảo là thanh niên được chọn vào Đoàn để giáo dục lòng yêu nước, xây dựng, bảo vệ độc lập tự do, bảo vệ Tổ quốc.

Tỉnh Đoàn chủ trương ra báo, chọn tên "*Xung Phong*" cho đúng tính chất năng động của tuổi trẻ. Nhưng làm sao ra được báo và xuất bản đều đặn? Làm gì có kinh phí công trợ. Nguồn phải dựa vào các cơ sở đặt mua báo, tùy theo số tiền thu được các nơi đặt báo

mà tính toán mua giấy, đưa in.

Đạo ấy, trừ một số công chức cũ hưởng lương do bộ máy cai trị để lại, họ theo ta và đương nhiên ta phải cáng đáng. Tuyệt đại đa số không lương, không phụ cấp. Ai có gia đình khá, gần thì dựa vào cha mẹ nuôi con, rồi hoạt động. Ai nhà xa, có chỗ ăn tập thể. Mỗi bữa, vài lưng bát, chủ yếu muống luộc, cá lẹp kho mặn.

Tòa soạn "*Xung Phong*" ngoài anh Lịch chủ nhiệm, anh Tấn Phong làm đủ việc: bản thảo, thu tiền, mua giấy, đưa bài in, lấy báo và gửi bưu điện về cơ sở, bí nhất là chưa có người chủ bút.

Biết tin Nam Cao ở quê, anh Lịch viết thư mời. Nam Cao điện bộ "tây" cà tàng ra tòa soạn.

- Được biết anh viết văn, làm báo, mà tỉnh nhà có báo của Thanh niên Cứu quốc, tôi không biết gì về nghề làm báo...

Đến đây, anh Lịch nhìn Nam Cao.

- Anh định nhờ tôi việc gì?

- Không phải nhờ, mà mời anh cộng tác với Thanh niên Cứu quốc. Anh làm chủ bút cho tờ "*Xung Phong*" của Đoàn.

- Báo Đoàn cần ta, cơ sở gửi bài, anh tập hợp và sửa để đăng, hoặc thiếu viết cho đủ bốn trang in, tuần ra một số.

Nam Cao vẫn ngồi im nghe, thỉnh thoảng vê thuốc Lào, rít điếu cày, nhà khói từng cuộn nhỏ.

Anh Lịch tiếp:

- Mới chỉ có hai người, tôi lo việc đoàn thể là chính, kiêm chủ nhiệm cho danh chính ngôn thuận. Anh Tấn Phong lo quản lý, trị sự, đưa in, phát hành. Thêm anh lo bài vở, xong từng số giao cho anh Tấn Phong, cần xã luận, anh bảo tôi viết...

Có lẽ những điều anh Lịch nói, Nam Cao cũng hình dung ra được, anh thủng thảng:

- Việc đoàn thể của tỉnh, tôi nhận.

Mừng rỡ, anh Lịch thêm: Chúng tôi mượn được gian nhà bỏ không ở phố chính, Tòa báo "*Xung Phong*" đặt ở đây, sẽ kê bàn cho người ta giao dịch. Anh ngủ tạm trên chiếc phản và dùng tạm cái bàn để làm việc, tiếp khách. Nhớ đi khóa về mở. Anh Tấn Phong chân chạy cò, chạy hiệu. Đến bữa, có bếp ăn tập thể, anh báo com cấp dưỡng nấu.

Đạo ấy, giao việc ở đâu cũng đơn giản, cấp trên tin anh em và ngược lại, không ai đòi hỏi. Thời gian ở Phủ Lý, Nam Cao làm chủ bút tờ "*Xung Phong*". Tờ báo nếu còn lưu trữ được sẽ thấy tên anh chức danh chủ bút in ở măng - séc.

Nói thêm, chủ nhiệm anh Lịch bận bù đầu, chỉ biết hàng tuần đủ bài đưa nhà in, có báo mới đều đặn về cơ sở. Tháng hoặc ít lần Nam Cao bảo anh viết xã luận hoặc chỉ thị cần của Việt Minh, của Đoàn. Anh Lịch cũng không rõ Nam Cao ăn, ở thế nào. Trước đó có lần

hỏi, thì Nam Cao thủng thảng:

- Việc đoàn thể cũng như việc nhà. Hoàn cảnh đâu cũng nước sôi lửa bỏng. Cái tính của tôi không biết đòi hỏi và cũng không thích hỏi.

Đôi lần ông Trần Hữu Đạt đến thăm anh trai. Tòa soạn báo ở Phủ Lý, sau rồi chuyển lên đình Phù Thụy, huyện Kim Bảng. Cơ quan chỉ có mấy người. Báo in thạch rồi in ty-pô, quay tay. Từ cơ quan báo, Nam Cao cuốc bộ về nhà với vợ con tản cư ở làng Khám, xã Thanh Bình, gần núi Non, huyện Thanh Liêm.

Phụ cấp kháng chiến chẳng mấy, bà Sen phải về quê mua sợi lên gổ và chạy chợ. Lúc đầu vợ chồng bà ở nhờ, lâu sau cũng dành dụm làm được một gian nhà nhỏ tại nơi tản cư.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Nam Cao chuyển sang làm báo *Chiến Thắng* của tỉnh Hà Nam trước ngày lên Việt Bắc 1947...

(Cụ Đinh Mạnh Thoại sinh năm 1920 quê thị xã Phủ Lý. Năm 1944 tham gia truyền bá Quốc ngữ hiện ở TP HCM và ông Trần Hữu Đạt cung cấp tư liệu).

1947

Theo *Tự truyện* của nhà văn Tô Hoài, Nhà xuất bản Văn học 1985, nhớ lại những ngày làm báo Cứu Quốc Việt Bắc.

Ra đời trong thời kỳ bí mật, báo Cứu Quốc ban đầu ở núi Chùa Thầy sau chuyển lên chiến khu. Từ năm 1947, đã ra nhật báo gồm các tờ: *Cứu Quốc Trung ương*, *Cứu Quốc khu 11* (Hà Nội), *Cứu Quốc khu Ba*, *Cứu Quốc khu Bốn*, *Cứu Quốc khu Năm*, *Cứu Quốc khu 10...* *Cứu Quốc Việt Bắc* được đoàn thể quyết định thành lập, phát hành trong ba tỉnh căn cứ đại cách mạng của khu giải phóng cũ: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Nhà thơ Xuân Thủy làm chủ nhiệm, nhà văn Tô Hoài chịu trách nhiệm chung, anh Nguyễn Bá Lợi quản lý báo, nhà văn

Nam Cao làm chủ bút. Hoạ sĩ Trần Đình Thọ viết và lăn đá li-tô, còn có người thường xuyên nghe đài để lấy tin tức, nhất là tin từ ngoài mặt trận.

Cơ quan báo đóng trong bản người Dao, ai cũng quần áo, túi xách, mũ nồi màu chàm; ngày làm báo, tối học tiếng Dao, tiếng Tày. Hoạ sĩ Trần Đình Thọ mở lớp dạy in đá li-tô cho cán bộ tuyên truyền. Nam Cao cũng học in, viết chữ ngược, quét nước chanh và quét mực. Ông còn viết, in truyền đơn địch vận (bằng tiếng Pháp) cho Hội Phụ nữ châu Chợ Giã, Trung đoàn 72... "Cẩm nang" của báo Cứu Quốc là tập báo *Việt Nam độc lập* xuất bản thời bí mật ở khu giải phóng.

Nam Cao ở trong lán nhỏ bên gốc trám cổ thụ. Hàng ngày, nhà văn cùng hoạ sĩ Trần Đình Thọ phải xuống một quãng dốc mới tới ngọn nước lấy về thổi nấu. Đi đứng đảm bảo bí mật từ bờ suối lên không để lại một vết tích. Xóm Vàng Kheo chỉ quanh quẽ có ba nóc nhà. Đêm xuống rét buốt, quanh bếp lửa ấm, các nhà văn học tiếng Dao: "*nhận háng*" (ăn cơm), "*nhận đong*" (ăn cơm chiều), "*nhận phẩn*" (ăn no), "*un mình dạo*" (tôi đi chơi), "*ma hiu coong câu*" (không biết nói chuyện), "*un mình Hà Nội*" (tôi đi Hà Nội)...

"*Nhật ký ở rừng*" Nam Cao viết trong những ngày ở Vàng Kheo. Cứ hai buổi thổi cơm ăn xong, lăn li-tô một lúc, anh lại ngồi lúi húi viết. Truyện ngắn "*Tiên sư thắng*

Tào Tháo" rồi đổi lại là "Đôi mắt" cũng được viết ở nơi heo hút gió ấy. Tô Hoài hoàn thành tập truyện ngắn "Núi Cứu Quốc" mang xuống Đại Từ (Thái Nguyên), đưa tác phẩm của hai người tới nhà văn Nguyễn Huy Tưởng ở Hội Văn nghệ. Vùng núi thiếu muối, lưng áo và chiếu có hơi muối, phơi phong phải cẩn thận kéo trâu "chén" mắt. Có lần muối đã cát trên lán cao, đàn trâu phát hiện định phá, phải nổ súng đuổi chúng mới chịu lui...

Những trang viết "Ở rừng", nhà văn Nam Cao nhắc đến vợ con đang ở vùng tạm chiếm dưới khu Ba. Chiến dịch Thu - Đông (1947) tạo thế và lực cho quân đội ta ngoài mặt trận. Dịp Nguyễn đán, các nhà văn nhận được Thư chúc Tết của Hồ Chủ Tịch. Thư Bác đánh máy, mừng tuổi và chúc năm mới "Đoàn kết, công tác tốt"...

KẾT NẠP ĐẢNG

Trước ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946), Nam Cao về quê Đại Hoàng, kháng chiến rồi, nhà văn được vời lên tỉnh Hà Nam làm báo. Năm 1947, Nam Cao được Tổng bộ Việt Minh mời lên Việt Bắc làm báo Cứu Quốc cùng với Tô Hoài. Nam Cao được cử đi Nam tiến, cùng đi với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tướng Nguyễn Sơn, trong đoàn của Đại tướng đưa ông Nguyễn Sơn vào Quảng Ngãi nhận chức Tư lệnh chiến trường Nam Bộ. Nam Cao ở với đoàn, đi thăm một số địa phương rồi theo đoàn ra Bắc.

Năm 1949, Nam Cao đi học Trường Đảng, rồi cùng Tô Hoài đổi công tác về Hội Văn nghệ, khoảng sau chiến dịch Biên Giới ông về khu Ba gặp vợ con, chuẩn bị lên đường đi Việt Bắc.

Chuyến thăm quê lần này, nhà văn muốn dành thời gian cho gia đình. Nhưng không khí sục sôi của làng kháng chiến cuốn hút ông. Địa phương muốn mời ông ở lại làm chính trị viên xã đội. Bữa cơm cuối cùng, nhìn chồng, bà Sen ứa nước mắt. Ông biết khi ra đi vợ ông sẽ chảy biết bao nhiêu giọt nước mắt thảm.

Ở cơ quan Văn nghệ có nhà thơ Tô Hữu, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng (Thường trực cơ quan). Tô Hoài, Nam Cao... ở nhà ông chánh Cuôn, cây số 7, đường đi Tuyên Quang. Khi có máy bay, Tô Hoài, Nam Cao ra rừng. Mỗi người chọn một gốc cây to ngồi viết. Có hôm, hai ông ngồi hàng ngày ngoài rừng. Viết chán lại hút thuốc, Nam Cao rất nhớ vợ con.

Giặc nhảy dù Bắc Cạn. Nam Cao, Tô Hoài và họa sĩ Trần Đình Thọ được giao làm báo *Cứu Quốc Việt Bắc* cho các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn. Báo in song ngữ Tày - Việt. Tòa soạn chỉ có cái máy thu thanh để lấy tin tức. Nhà văn Tô Hoài làm chủ nhiệm. Nam Cao làm chủ bút, viết các thể loại, viết xong đọc lại cho chú liên lạc người Thổ nghe. Chỗ nào nghe nói không hiểu thì sửa lại. Ông còn làm ca dao, nhà thơ Nông Quốc Chấn dịch ra tiếng Tày. Với chiếc thẻ căn cước mang tên Ma Văn Hữu, ông đã đến với đồng bào nhiều dân tộc nơi chiến khu Việt Bắc.

Một sự kiện trọng đại diễn ra, vào buổi sáng mùa đông năm 1948, Nam Cao được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Nhà văn Tô Hoài kể:

Quân địch lũng vào làng, gần tới cơ quan, chúng tôi rút lui. Suốt đêm leo núi. Núi Phia Phắc, cao quá, đến sáng mà vẫn chưa tìm được mô đất phẳng. Mãi sau mới gặp lại một cái lán bỏ hoang. Anh em lạc mỗi người một nơi, còn lại có mấy người, quần áo ướt sũng sương. Cũng không ai để ý đến tiếng súng Moóc-chi-ê của địch bắn phát một vào núi, từ phía làng Phiêng Phường. Nam Cao đã ngồi quay lại trả lời đồng chí bí thư chi bộ một câu mà ông đã cân nhắc suốt đêm :

- Tôi nghĩ kỹ rồi, anh ạ.

Đồng chí bí thư đặt tay lên vai Nam Cao, nói thông thả :

- Chốc nữa thì đại bộ phận cơ quan ta rút lui. Ba đồng chí ở lại đây. Đảng sẽ kết nạp đồng chí ở đây, ngay bây giờ.

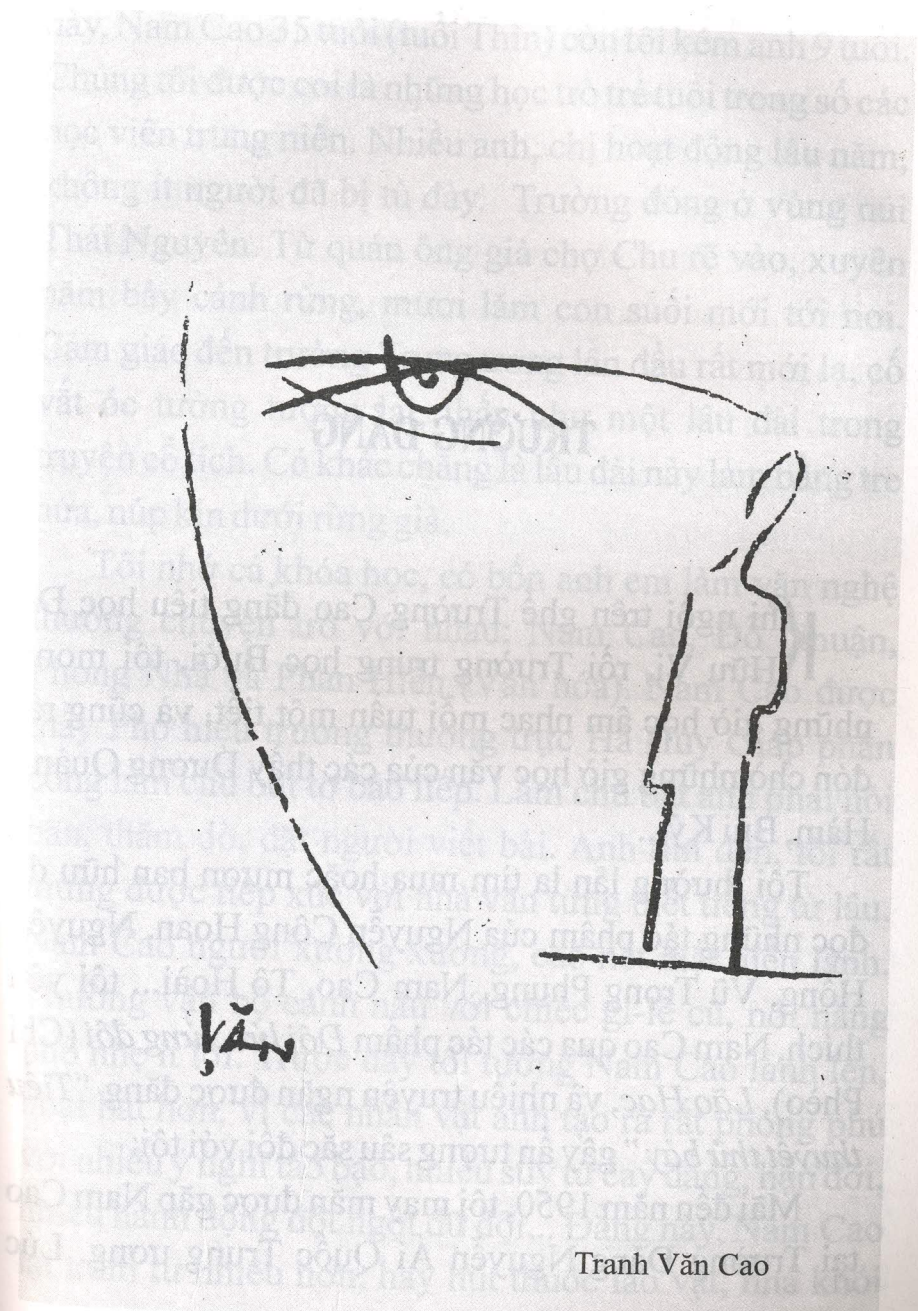
Giây phút thiêng liêng đó, trong cái lán bỏ hoang ở sườn núi Phia Bioóc, hôm đó có Xuân Thủy, Văn Tân, họa sĩ Trần Đình Thọ cùng một số đảng viên và hai người giới thiệu trong đó có nhà văn Tô Hoài. Nam Cao được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Báo Cứu Quốc, cơ quan báo hàng ngày của Tổng Bộ

Việt Minh, có 10 báo chi nhánh ở địa phương, (Cứu Quốc Việt Bắc là một trong các chi nhánh. Nhà văn Nam Cao kết nạp Đảng tại chi bộ cơ quan này).

Nhà văn Tô Hoài còn nhớ như in: Buổi sáng hôm đó, Nam Cao ngồi một đầu gối đề lên ba-lô, cổ anh vẫn khoác nguyên cả cái màn mà đêm qua leo núi rét quá, anh đã quấn vào. Trên khuôn mặt hốc hác, đôi mắt không chớp nhìn xuống thung lũng, đỏ hoe vì xúc động...(1)

(1) Báo Văn Nghệ số 61. tháng 1 năm 1954



Tranh Văn Cao

TRƯỜNG ĐẢNG

Khi ngồi trên ghế Trường Cao đẳng tiểu học Đỗ Hữu Vị, rồi Trường trung học Bưởi, tôi mong những giờ học âm nhạc mỗi tuần một tiết, và cũng rất đón chờ những giờ học văn của các thầy Dương Quảng Hàm, Bùi Kỳ...

Tôi thường lân la tìm mua hoặc mượn bạn hữu để đọc những tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Tô Hoài... tôi yêu thích, Nam Cao qua các tác phẩm *Đôi lứa xứng đôi* (Chí Phèo), *Lão Hạc*, và nhiều truyện ngắn được đăng "*Tiểu thuyết thứ bảy*" gây ấn tượng sâu sắc đối với tôi.

Mãi đến năm 1950, tôi may mắn được gặp Nam Cao tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc Trung ương. Lúc

này, Nam Cao 35 tuổi (tuổi Thìn) còn tôi kém anh 9 tuổi. Chúng tôi được coi là những học trò trẻ tuổi trong số các học viên trung niên. Nhiều anh, chị hoạt động lâu năm, không ít người đã bị tù đày. Trường đóng ở vùng núi Thái Nguyên. Từ quán ông già chợ Chu rẽ vào, xuyên năm bảy cánh rừng, mười lăm con suối mới tới nơi. Cảm giác đến trường Trung ương lần đầu rất mới lạ, có vất óc tưởng tượng lại, thấy như một lâu đài trong truyện cổ tích. Có khác chăng là lâu đài này làm bằng tre nứa, núp kín dưới rừng già.

Tôi nhớ cả khóa học, có bốn anh em làm văn nghệ thường chuyện trò với nhau: Nam Cao, Đỗ Nhuận, Phong Nhã và Phan Hiền (Văn hóa). Nam Cao được thầy Phó hiệu trưởng thường trực Hà Huy Giáp phân công làm chủ bút tờ báo liếp. Làm chủ bút anh phải hỏi han, thăm dò, đặt người viết bài. Anh tìm đến, tôi rất mừng được tiếp xúc với nhà văn từng biết tiếng từ lâu. Nam Cao người xương xương, cao nét mặt hiền lành. Thường vận bộ cánh nâu với chiếc gi-lê cũ, nói năng nhỏ nhẹ ít lời. Trước đây tôi tưởng Nam Cao lạnh lẹn, hoạt bát hơn, vì các nhân vật anh tạo ra rất phong phú với nhiều ý nghĩ táo bạo, nhiều suy tư cay đắng, hận đời, nhiều hành động đột ngột dữ dội... Đảng này, Nam Cao lại trầm tư nhiều hơn, hay hút thuốc Lào vật, nhà khói

say sưa. Khi tôi khen tác phẩm thấy anh hơi đỏ tai.

Ở trường Đảng Trung ương, chúng tôi đã được đón Bác Hồ và các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh, trực tiếp giảng bài. Mỗi khi Bác Hồ đến thăm là niềm vui lớn. Người còn cho chúng tôi chụp ảnh chung, không quên gọi các chị phục vụ bế đàn cháu nhỏ quây quần bên Bác.

Chia tay tháng 7-1950, hy vọng biết đâu chẳng gặp vì Nam Cao ở Lý Nhân, còn tôi Duy Tiên cùng đồng hương.

Thế rồi, đến năm 1952, trong Hội nghị chống địch bắt lính do Trung ương Đoàn tổ chức, mới biết Nam Cao đã hy sinh trong vùng địch hậu, khi dời trường Đảng một năm (1).

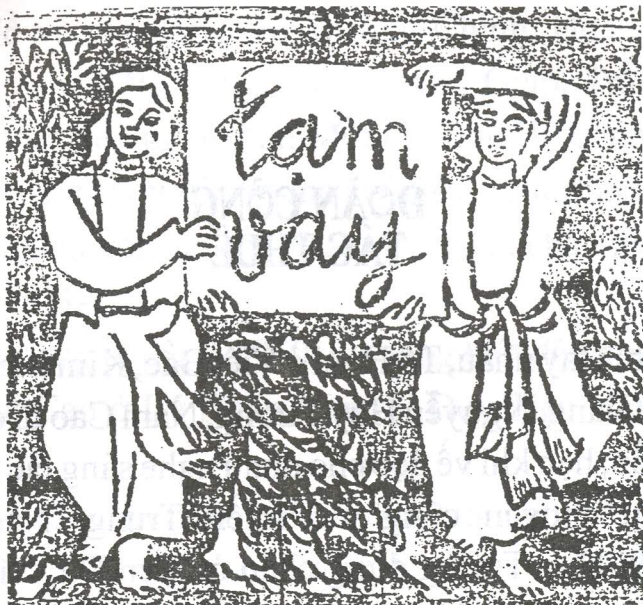
(1) Theo *Hồi ký* của nhạc sĩ Phong Nhã.

ĐOÀN CÔNG TÁC THUẾ

Chia tay nhau, Tô Hoài ở Việt Bắc, Kim Lân về Bắc Giang, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao đi công tác khu Bốn, hẹn khi về đọc cho nhau nghe sáng tác mới.

Sau chuyến công tác miền Trung, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng dừng chân ở Đầm Đa, Xích Thổ, nơi cơ quan Quân khu Ba đóng.

Để phục vụ kháng chiến, Chính phủ có chủ trương thực hiện chính sách thuế nông nghiệp. Ngày ở Việt Bắc, Nam Cao, Tô Hoài và các nhà văn đã được học tập về chính sách thuế. Tô Hoài viết xong truyện ngắn "*Chính phủ tạm vay*" ngày 30 tháng 5 năm 1951, Nhà xuất bản Văn nghệ in. Ngoài bìa vẽ hai cô thôn nữ tay nâng biển có hai chữ *Tạm vay*. Bìa cuối cuốn sách mỏng có trang quảng cáo: Tất cả địa phương, các thông tin xã thôn, các đội công tác văn nghệ hãy mua ngay để phổ biến cho kịp!



TÔ HOÀI

CHÍNH PHỦ TẠM VAY

Bìa tập truyện ngắn "Chính Phủ Tạm Vay" của Tô Hoài

Đóng Góp

GIẢI THÍCH VỀ THUẾ NÔNG NGHIỆP VÀ
TẠM VAY KỊCH MỘT HỒI CỦA NAM CAO

Nhà xuất bản Văn Nghệ

Nội dung hai tác phẩm *Đóng góp* và *Tạm vay*, tuyên truyền cho chính sách thuế nông nghiệp lúc đó còn rất mới mẻ. Yêu cầu vận động phải bám sát các chủ trương của Chính phủ Cụ Hồ đem thuế nông nghiệp thay vào tất cả thuế điền thổ, công lương, sương tức, thóc bình dân, thóc bộ đội địa phương, thóc quỹ xã, thóc đắp đường, thóc giao thông, cả thóc định giá. Nghĩa là bỏ hết mà đem thay bằng một thứ thuế duy nhất, tức thuế nông nghiệp; áp dụng thuế này có nhiều cái lợi và hợp lý. Có lợi: Thu ngay một lúc, như thế bộ đội, dân công tập trung nhiều, đánh được trận to mà lúc nào ta cũng bảo đảm được đủ gạo cho mặt trận.

Thuế nông nghiệp đóng một lần, dân yên tâm, đỡ bận việc vặt, chính quyền bớt sổ sách kênh cang, đôi người ra công tác, tăng gia sản xuất. Thóc đã tập trung một lần thì phân phối được đều, không thừa không thiếu, dân cũng thế, đâu Chính phủ cũng biết.

Thuế nông nghiệp lại làm lợi những nhà tăng gia khéo. Bởi biểu thuế lấy mức bình thường, ai vượt mức không phải đóng góp thêm, các nhà tha hồ thi đua.

Thuế nông nghiệp rất công bằng. Nó không căn cứ đầu mẩu, không đóng góp bằng đầu. Ai thu nhiều đóng nhiều, thu ít đóng ít. Nhà đông người, nhân khẩu nhiều, đóng ít. Nhà có người đi bộ đội, cán bộ cách mạng, dân công hy sinh được tính nhân khẩu, anh chị em bần nông, đi ở... mùa cũng được tính nhân khẩu. Ai thu nhiều, ai thu ít chính là dân tự định với nhau.

Ai cho Chính phủ vay trước gọi là tạm vay, nếu sau, đã cho vay đủ thì không phải đóng, ai thiếu đóng thêm, ai cho vay quá, đến mùa Chính phủ hoàn lại (1).

Phong trào đồng bằng lên mạnh. Quân khu Ba cử cán bộ về Nam Định gọi là vận dụng phương châm thuế nông nghiệp vào vùng tạm chiếm. Nam Cao muốn thêm tài liệu để viết cuốn tiểu thuyết về làng và sẽ tranh thủ thăm nhà. Vợ ông viết thư báo, bà mới sinh con trai, đặt tên là Thực (Trần Hữu Thực). Nhà văn còn gửi thư cho em trai là ông Đạt, hẹn gặp nhau, gửi đồ đạc ở khu, rồi theo liên lạc về Trường Yên. Những năm đó, cơ quan lãnh đạo huyện Ý Yên sơ tán sang đất Trường Yên huyện Gia Viễn.

Hôm trước, huyện tổ chức hội nghị bàn về thuế nông nghiệp ở hang Chĩnh Đốn, được đón đoàn cán bộ khu do đồng chí Nguyễn Văn Thao, Tỉnh ủy viên Thái Bình, mới được điều lên làm trưởng đoàn. Huyện bố trí

đưa cán bộ về Ý Yên. Huyện ủy phân công đồng chí Nguyễn Văn Đăng, Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến, quê xã Yên Quang, bên sông Đáy dẫn đường.

Đồng chí Đăng tám mươi tuổi, nguyên Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ Bộ Nội vụ, đã nghỉ hưu tại quê kể: Vừa đi học ở Thanh Hóa ra, ông được phân công đưa đoàn đi. Dự định xuất phát từ Trường Yên bằng thuyền nan. Đã sang cuối tháng mười ta, đồng nước mênh mông, lợi dụng đêm tối vượt cánh đồng thôn Miếu Giáp xã Gia Xuân, lại vượt đường số 1, qua đò sông Đáy có cơ sở của ta đón. Đoàn còn bổ sung thêm một cán bộ, bộ đội địa phương hai tỉnh Ninh Bình, Nam Định cùng đi. Qua địa bàn nguy hiểm có giao thông của Quân khu dẫn đường...

(1) Tạm vay: Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Tổng hợp Nam Định

NGƯỜI LÁI ĐÒ

Một ngày cuối xuân, chúng tôi đến thăm gia đình ông Trịnh Văn Lợi - người sống sót trong chuyến đi công tác với Nam Cao, ở xóm trại 2, xã Yên Quang huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, cùng làng với ông Nguyễn Văn Đăng.

Ông Lợi sinh năm 1932, vợ là bà Nguyễn Thị Hồng quê ở thôn Đồng Phù, xã Nam Mỹ huyện Trực Ninh. Cả hai ông bà, làm giao thông liên lạc từ năm mười sáu, mười bảy tuổi. Nhiều người hoạt động thời đó đều biết tiếng cô Hồng gan dạ, từng bơi qua sông Hồng, sông Đáy. Tài liệu công văn hỏa tốc giấu trong giỏ cua, nẹp áo... Hai người gặp mặt trong chuyến chuyển công văn bên bờ sông Đáy. Biết họ thương nhau, sau trận chết hụt trên đồng Miếu Giáp, Bru điện Nam Định đứng ra tổ chức lễ cưới cho họ, ở ngôi chùa cheo neo giữa cánh



• Lễ đón di hài nhà văn liệt sỹ Nam Cao về quê hương ngày 18/11/1998



• Nhà văn Kim Lân (đóng vai lão Hạc), nghệ sỹ Bùi Cường (đóng vai Chí Phèo), nghệ sỹ ưu tú Lê Huệ, nhà văn Nguyễn Đình Thi, Giáo sư Tiến sỹ Phạm Huyền (từ trái sang phải) - Những người tham gia chương trình tìm lại Nam Cao.



NƠI YÊN NGHỈ VĨNH HẰNG



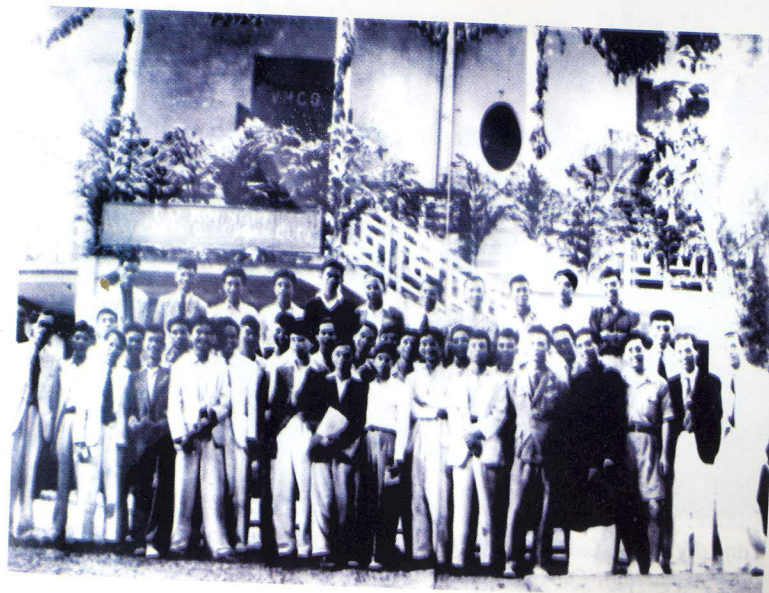
Khu tưởng niệm nhà văn Nam Cao



Chân dung Nam Cao
Tượng đồng của tác giả Lê Minh Sơn

Sau khi học xong "Giữ Đất",
tôi ra học tại Đường số 12
hè hè. Hôm làm mừng rằng những
khuyết điểm của "Giữ Đất" không
thấy ở Đường số 12
Nam Cao 12-2-51.

Bút tích của nhà văn Nam Cao,
nhận xét tác phẩm Giữ Đất
của nhà văn Vũ Tú Nam



Nhà văn Nam Cao (Người thứ 2 từ phải sang hàng trên), cùng các Đại biểu dự Đại Hội Nghị
Văn hóa Cứu quốc tại chiến khu Việt Bắc (Ảnh tư liệu)

• Ông Trịnh Văn Lợi (thứ nhất bên trái) – người chở đò và nhà thơ Nguyễn Thế Vinh thăm nơi xuất phát đoàn cán bộ thuế nông nghiệp năm 1951 xã Gia Tân, Gia Viễn Ninh Bình.



Cánh đồng Miếu Giáp, thôn Vũ Đại, xã Gia Xuân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình nơi nhà văn Nam Cao bị giặc bắt, anh dũng hy sinh ngày 30 tháng 11 năm 1951.

Ảnh: NGUYỄN MẠNH HÙNG (Chụp năm 1998)

đồng nước.

Đối với Nam Cao, ông Lợi còn bao kỷ niệm. Hồi đó ông làm giao thông bưu điện thuộc Trạm 10 Liên khu 3. Trạm đóng ở thôn An Cừ, xã Yên Bình, huyện Ý Yên. Đoạn đường trạm có nhiệm vụ đưa đón cán bộ Trung ương, Quân khu về công tác và đưa tài liệu từ phố Cà huyện Thanh Liêm, theo sông Đáy qua Gián Khâu, Hoàng Đan xuống phía nam huyện Nghĩa Hưng. Ngày Nam Cao công tác ở khu, ông Lợi đã đôi lần đưa đường cho nhà văn. Có buổi, ông đón Nam Cao từ tả ngạn sông Đáy về cơ quan tỉnh Hà Nam.

Trên đường đi Nam Cao đã dạy anh giao thông trẻ bài hát, đến nay ông vẫn còn nhớ một đoạn:

...Ngày mười bảy tháng mười hai, hôm làng cháy.
Làng Hoàng Đan âm thầm bao lũy tre xanh. Cau với
chuối xác xơ trông tiêu điều, gỗ với than lẫn với tre,
ngang dọc đó đã bao người bị cắt tiết thui thành than.
Bà đi nương nấu cho qua ngày, còn hơn ở nhà hội tề với
tráng phu...

Trong đời làm chiến sĩ liên lạc của mình, ông Lợi đã đưa đón nhiều cán bộ, bộ đội đi, về an toàn. Tuy ít học, kém nhà văn mười bốn tuổi, chưa được đọc tác phẩm của Nam Cao... nhưng ấn tượng về những lần gặp không bao giờ quên.

Trong chuyến điền dã, tìm lại nơi đoàn thuyền xuất phát, người chở dò năm xưa đã đưa tôi tìm nhà ông Đặng Hữu Chiên, dân làng gọi là ông binh Chiên ở xóm Văn Lung xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, nơi ông có nhiệm vụ đón đoàn cán bộ thuế cách đây 47 năm. Hai bác cháu xuống dò sông Đáy, qua Quốc lộ 1, rẽ vào đường 12 về Hối Cầu Đài. Nhà cụ Chiên là cơ sở cách mạng trước năm 1945, cụ mất năm 1953. Bà con gái năm ấy bảy mươi tuổi, cũng được Nhà nước công nhận lão thành cách mạng.

Sau nhiều năm, cuộc sống làng chiêm Gia Viễn thay đổi nhiều nhưng dấu vết xưa vẫn còn. Từ đây nhìn bóng núi Thiệu, lên đường Tiến Yết nơi Đỉnh Bộ Lĩnh bị chú đuổi gần nghìn năm trước chỉ cách nhau cánh đồng nước. Nhớ lại ngày đó, Trạm giao thông 10 cử anh Lôi đưa đoàn công tác vào đất Ý Yên. Buổi chiều anh già người đi câu, chèo thuyền khắp đồng xem xét tình hình. Khoảng chập tối, các thuyền đã tập trung tại nhà ông Chiên, chuẩn bị xuất phát. Điểm quân số đoàn có 17 người cả lái dò, anh Lôi nhận ra Nam Cao.

Theo lệ, giao thông phổ biến tình hình đường đi. Đoàn thuyền năm chiếc lần lượt rời bến. Qua Hối Cầu Đài, rồi men theo sườn núi, vượt cánh đồng Miếu Giáp, tới đường số 1, qua dò sông Đáy có người đón về cơ sở

tập kết xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên. Mỗi thuyền cách nhau gần trăm mét, nếu gặp địch, hoặc nhằm đường phải buộc khăn vào tay phải, trở về nơi xuất phát chờ liên lạc quay lại đón.

Đoàn công tác vượt đường 12(1) an toàn. Gần nửa đêm nghe súng nổ, biết các thuyền đi đầu gặp địch, thuyền sau tản ra trốn thoát. Thuyền giao thông do ông Lôi chở đi đầu. Thuyền thứ hai bị chúng vây bắt được bốn người. Đó là đêm 29 rạng ngày 30 tháng 11 dương lịch năm Tân Mão 1951.

(1) Đường 12 đoạn từ Gián Khẩu vào Phố Me huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình